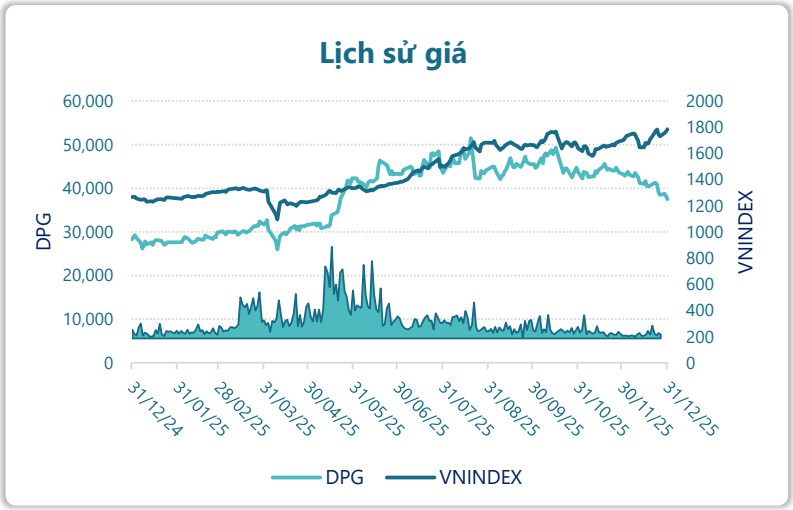
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**37,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	51,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,981
SL cổ phiếu LH	100,799,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	510,490
% sở hữu nước ngoài	11.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,780
P/E	11.6
EPS	3,241

DT thuần

Q4/25

1,639

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 463| 39.3%

YoY: ▲ 193| 13.3%

LN sau thuế

Q4/25

157

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 73.7| 88.3%

YoY: ▲ 27.0| 20.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.4%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2025

4,484

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 906| 25.3%

LN sau thuế

2025

445

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 141| 46.2%

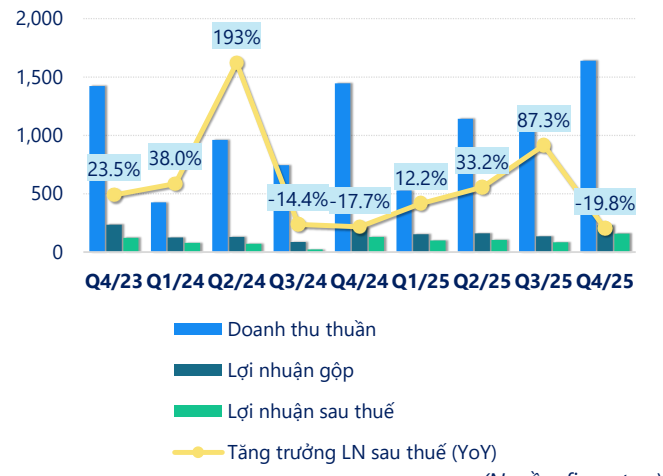
ROE

2025

11.8%

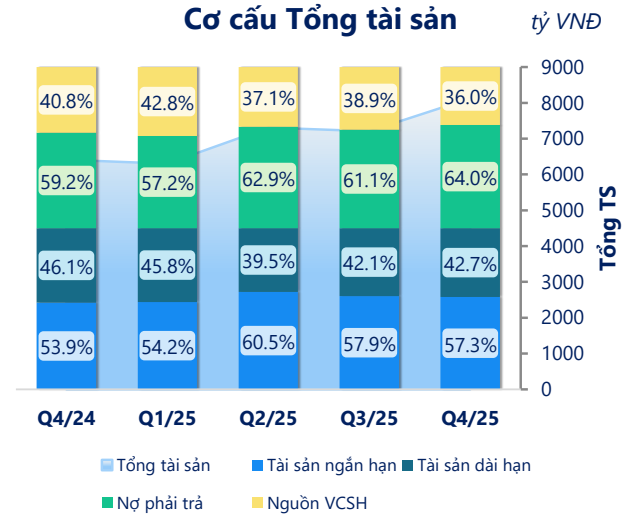
+/- YoY: ▲ 2.8%

Kết quả kinh doanh



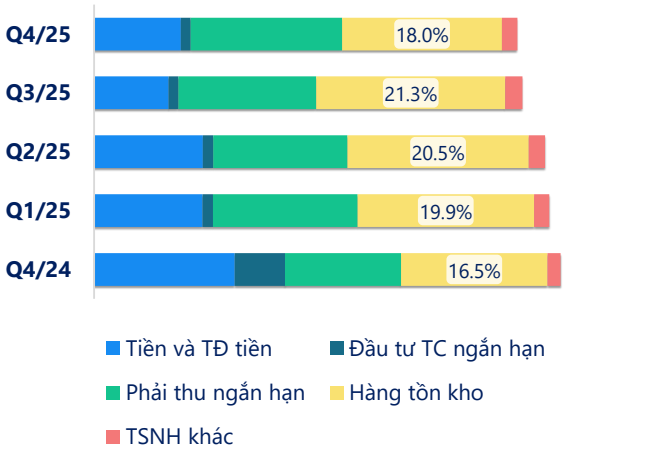
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



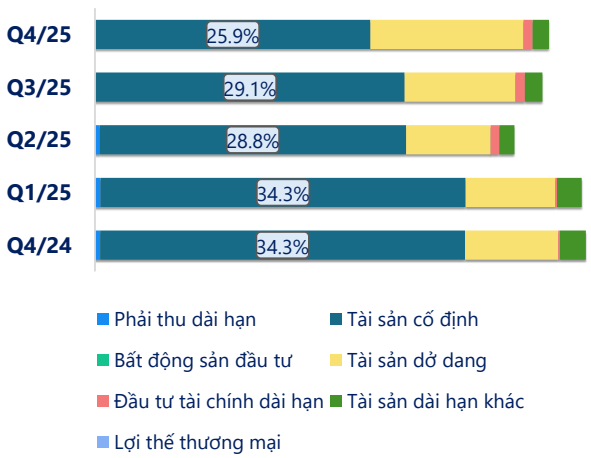
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



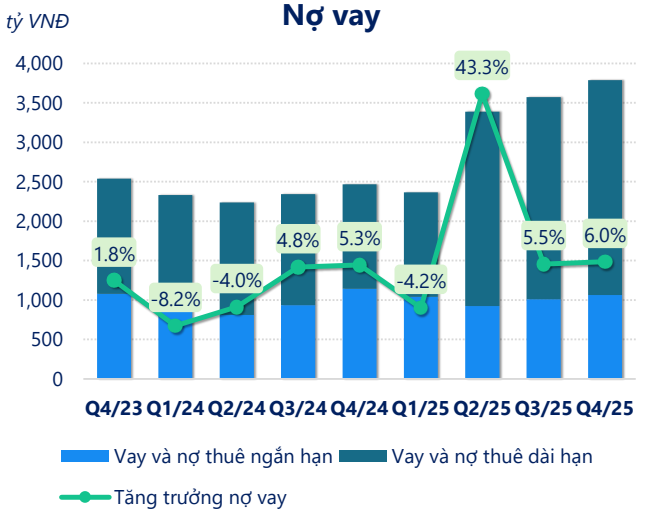
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



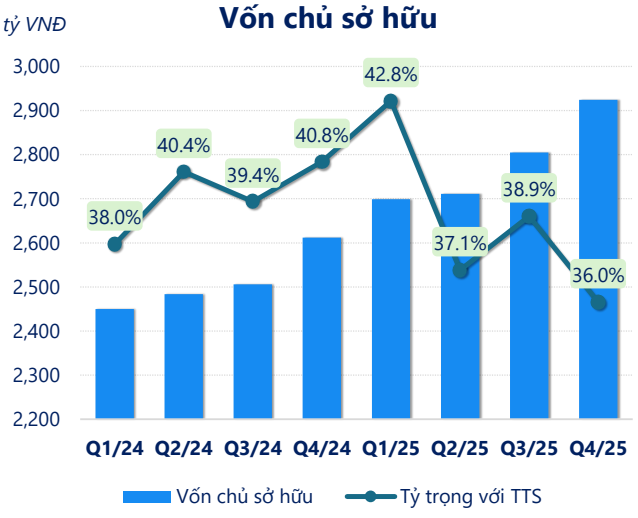
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



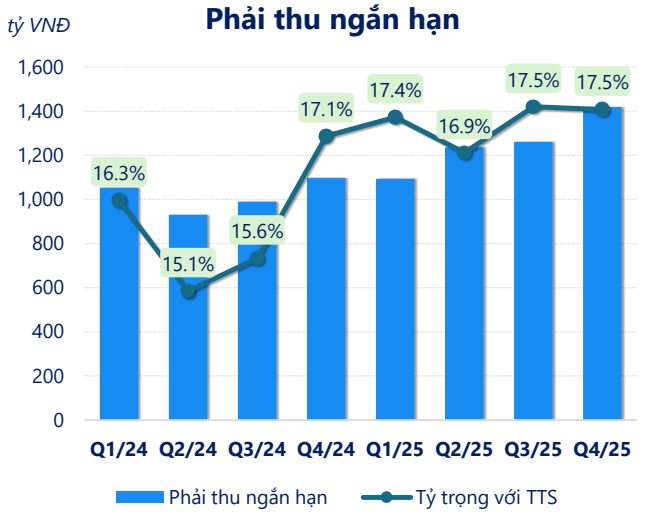
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



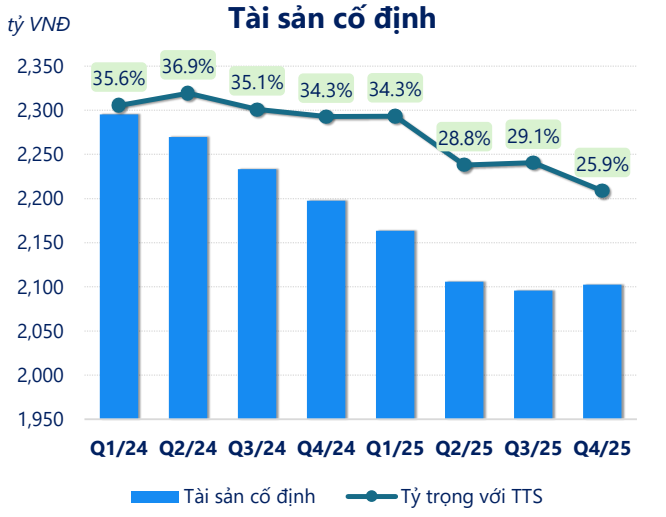
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



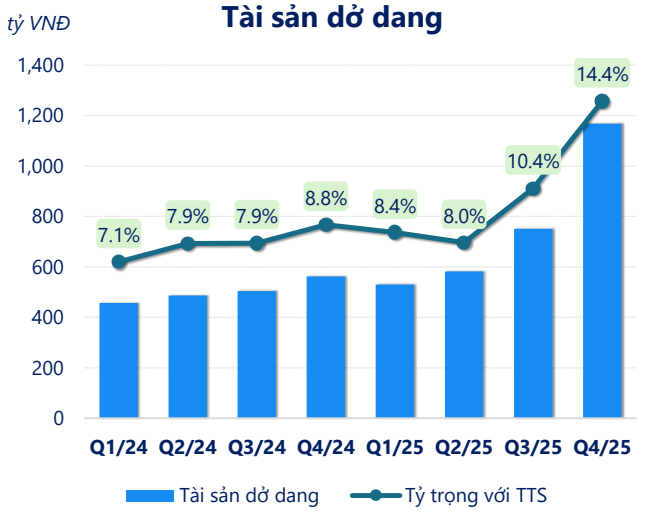
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



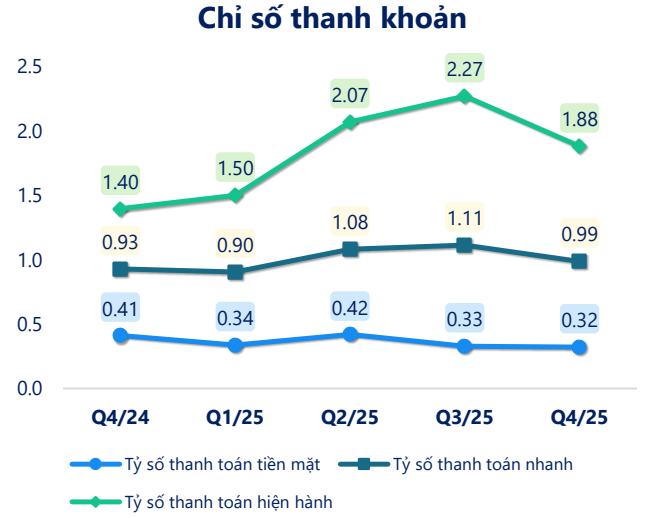
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



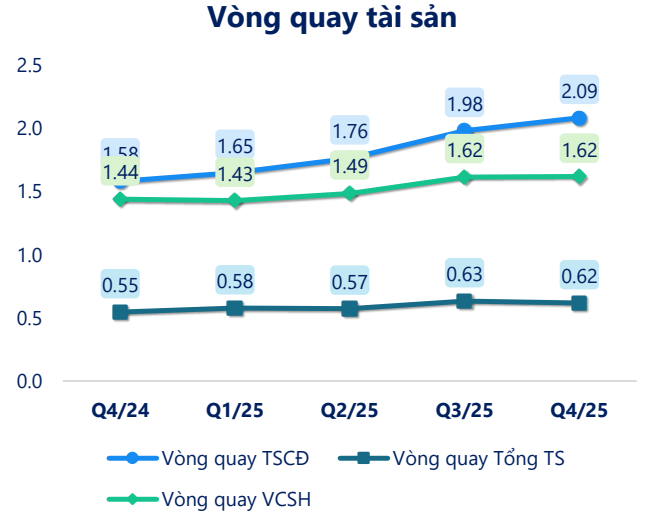
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**6,408**	**6,301**	**7,312**	**7,210**	**8,126**
Tài sản ngắn hạn	**3,451**	**3,418**	**4,427**	**4,176**	**4,656**
Tiền và tương đương tiền	1,017	771	897	605	796
Đầu tư tài chính ngắn hạn	69.5	69.5	71.5	63.9	63.9
Phải thu ngắn hạn	1,097	1,094	1,236	1,261	1,419
Hàng tồn kho	1,155	1,355	2,115	2,128	2,211
Tài sản ngắn hạn khác	113	128	107	118	166
Tài sản dài hạn	**2,957**	**2,883**	**2,885**	**3,034**	**3,470**
Phải thu dài hạn	32.0	32.9	32.9	2.86	2.86
Tài sản cố định	2,197	2,163	2,106	2,096	2,102
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	562	530	582	751	1,168
Đầu tư tài chính dài hạn	11.0	11.0	58.5	63.7	71.3
Tài sản dài hạn khác	155	146	106	120	126
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,796**	**3,602**	**4,601**	**4,405**	**5,202**
Nợ ngắn hạn	**2,472**	**2,281**	**2,139**	**1,840**	**2,477**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,144	1,043	925	1,010	1,065
Phải trả người bán ngắn hạn	415	314	207	187	514
Nợ dài hạn	1,325	1,322	2,462	2,564	2,725
Vay và nợ thuê dài hạn	1,324	1,321	2,462	2,564	2,723
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,612**	**2,699**	**2,711**	**2,805**	**2,924**
Vốn chủ sở hữu	**2,612**	**2,699**	**2,711**	**2,805**	**2,924**
Vốn điều lệ	630	630	1,008	1,008	1,008
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)